TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày 24 tháng 5 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Trần Thị Hoa.
2/ Ông Nguyễn Văn Đoàn.
- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HSST-QĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Phú N - sinh năm 1995 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm cá; Trình độ học vấn: 3/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo; Con ông Phạm Bu L, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1966; Chưa vợ con; Tiền sự, tiền sự: Không;

Bị cáo được khởi tố tại ngoại áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 10/6/2021 bị tạm giữ cho đến nay "có mặt".

Bị hại: Anh Trần Đức L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp 3, xã Phú N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai "vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đặng Văn Ng, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 59/8, ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai "vắng mặt".

2/ Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai "vắng mặt".

3/ Ông Phạm Bu L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai "có mặt".

4/ Chị Trần Thị Thảo L, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Phú N và anh Trần Đức L là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 19/5/2020, N và L ngồi uống cà phê với nhau tại quán "Na Na" thuộc ấp 1, xã Phú N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Trong khi ngồi uống cà phê thì N mượn xe mô tô hiệu Yamaha MXKING, biển số 60B4-907.69 của anhL để đi về nhà giải quyết công việc thì anhL đồng ý cho N mượn xe. Khi N đang điều khiển xe đi về nhà thì có người gọi điện đòi tiền mà N đã nợ trước đó nhưng N không có tiền để trả. Lúc này, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh L mang đi cầm để lấy tiền trả nợ.

Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 60B4-907.69 đến tiệm cầm đồ "Hồng Đăng" ở ấp 2, xã Phú N gặp anh Trần Minh Đ để cầm xe mô tô với giá 15.000.000đ thì được anh Đăng đồng ý cầm và lập hợp đồng cầm đồ với N nhưng N ký tên là Trần Đức L. Đến ngày 25/5/2020, N đến tiệm cầm đồ "Hồng Đăng" thì gặp chị Trần Thị Thảo L (là chị gái anh Đ) đang trông coi tiệm cầm đồ, N nói với chị L tiếp tục cầm xe mô tô biển số 60B4-907.69 thêm số tiền 10.000.000đ thì được chị L đồng ý và lập hợp đồng cầm đồ xe mô tô biển số 60B4-907.69 với giá tổng cộng là 25.000.000đ. Số tiền 25.000.000đ có được từ việc cầm xe mô tô biển số 60B4-907.69, N đã sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị cáo N chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B4-907.69, anh L đã nhiều lần đòi lại xe nhưng N không chuộc xe về trả lại cho anh L nên ngày 26/5/2020, anhL đã làm đơn tố cáo hành vi của Phạm Phú N.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ, Phạm Phú N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tài sản thiệt hại: 01 xe mô tô hiệu Yamaha MXKING biển số 60B4-907.69.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá huyện Đ ngày 23/7/2020 kết luận: giá trị tài sản thiệt hại là 43.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS.ĐQ ngày 25/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Phạm Phú N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Phú N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Kiểm sát viên còn nêu quan điểm xử lý về biện pháp tư pháp và án phí của vụ án.

Bị cáo Phạm Phú N thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Phú N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 19/5/2020 tại ấp 1, xã Phú N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, sau khi được anh Trần Đức L tin tưởng cho mượn xe mô tô hiệu Yamaha MXKING biển số 60B4-907.69, Phạm Phú N đã mang xe mô tô trên đi cầm để lấy tiền tiêu xài cho cá nhân. Giá trị tài sản thiệt hại là 43.000.000đ. Hành vi do bị cáo Phạm Phú N thực hiện đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo theo tội danh và khoản, điều nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Phạm Phú N là cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của anh Trần Đức L được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, an ninh, tạo nên tâm lý lo ngại, mất niềm tin vào người khác. Trong thời gian được tại ngoại thì bị cáo lại đi khỏi địa phương và tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện việc coi thường pháp luật nên cần trừng trị nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Phú N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Phú N trong thời gian tại ngoại lại tiếp tục phạm tội nên không được xem là ăn năn hối cải. Bị cáo Phạm Phú N thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có trình độ học vấn thấp, là lao động chính trong gia đình, tài sản thu hồi đã trao trả cho chủ sỡ hữu, đã bồi thường một phần thiệt hại là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Bị cáo Phạm Phú NCăn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo Phạm Phú N, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo và nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[7] Về biện pháp tư pháp và các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Minh Đ yêu cầu bị cáo Phạm Phú N bồi thường số tiền 10.000.000đ, trước khi xét xử ông Lin (cha bị cáo) đã bồi thường cho anh Đ số tiền 4.500.000đ, còn lại 5.500.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho anh Đ số tiền 5.500.000đ nên buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đ số tiền 5.500.000đ.

- Xe mô tô hiệu Yamaha MXKING biển số 60B4-907.69 do anh Trần Đức L là chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho anh L là phù hợp, anh L đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu gì nên không xem xét.

- Đối với số tiền 15.000.000đ bị cáo có được từ việc cầm mô tô biển số 60B4-907.69 của anh L. Đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính nên Tòa án buộc bị cáo phải nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với anh Trần Minh Đ đã cầm xe mô tô từ bị cáo N nhưng không biết là tài sản mà N chiếm đoạt của anhL mà có; sau đó, anh Đăng đã tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra nên không xử lý anh Đăng về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tuy nhiên, anh Đăng nhận cầm xe nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên Công an huyện Đ đã có Công văn số 423/CAH-ĐTTH ngày 08/10/2020 để nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Đăng với hình thức "hoạt động kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh mà không có giấy chứng nhận hộ kinh doanh theo quy định" quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Phú N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Phú N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Phú N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2021.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Phạm Phú N phải bồi thường cho anh Trần Minh Đ số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm

trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

- Buộc bị cáo Phạm Phú N phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 15.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Phú N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ông Lin có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L, ông Ng, anh Đ, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

Trần Thị Viển